

Số: 1137/2025/QĐST-VDS

Thành phố Thủ Đức, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Ngọc Khánh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Ông Phạm Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 361/2024/TLST-VDS ngày 27/12/2024 về việc “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 4468/2025/QĐ-MPH ngày 15/5/2025 và Quyết định hoãn phiên họp số 5348/2025/QĐST-LĐ ngày 06/6/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Ngọc M, sinh năm: 1990.

HKTT: Ấp P, xã H, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

Tạm trú: số nhà 168, khu phố T, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Ngọc S, sinh năm: 1993

Địa chỉ: Ấp P, xã H, huyện CN, tỉnh Trà Vinh.

2. Công ty TNHH Thương mại HT

Trụ sở: Số 38/4 Đường X, phường CL, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà M, bà S có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH Thương mại HT vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Tại đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu ngày 06 tháng 12 năm 2024, đơn yêu cầu bổ sung ngày 18/12/2024 và lời trình bày của bà Trần Thị Ngọc M:

Tháng 7/2010 bà M có cho bà Trần Thị Ngọc S mượn giấy chứng minh nhân dân của bà (tên Trần Thị Ngọc M, số: QWERTYU) để ký hợp đồng lao động và

làm việc tại Công ty TNHH Thương mại HT (gọi tắt là Công ty HT). Trong thời gian này bà M thực tế đang làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu NTS (gọi tắt là Công ty NTS) đến tháng 3/2013 thì nghỉ việc, chuyển sang làm công ty khác. Đến năm 2023, bà M không thực hiện được thủ tục chốt sổ và lãnh tiền bảo hiểm xã hội một lần vì có giai đoạn bị trùng tên Trần Thị Ngọc M tham gia bảo hiểm xã hội cùng lúc ở Công ty TNHH Thương mại HT và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu NTS. Vì vậy bà M yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà S (bằng tên Trần Thị Ngọc M) và Công ty TNHH Thương mại HT trong giai đoạn từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, để bà được chốt sổ bảo hiểm xã hội và lãnh tiền bảo hiểm xã hội. Đối với tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 do bà S tham gia tại Công ty TNHH Thương mại HT (với tên Trần Thị Ngọc M), bà M không yêu cầu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

1. Bà Trần Thị Ngọc S trình bày:

Tháng 7/2010, do chưa đủ 18 tuổi nên bà có mượn chứng minh nhân dân của chị gái là bà Trần Thị Ngọc M để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Thương mại HT. Về thời hạn hợp đồng lao động và mức lương bà S không nhớ rõ, chỉ nhớ vị trí việc làm của bà là công nhân. Bà S làm việc cho Công ty HT đến tháng 11/2010 thì nghỉ việc. Trong khoảng thời gian này, bà M đang làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu NTS. Do bà chỉ làm việc tại Công ty HT trong thời gian ngắn nên bà không biết rằng công ty có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà. Đến nay bà S thống nhất với yêu cầu của bà M về việc tuyên bố hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 giữa bà S (với tên bà M) với Công ty TNHH Thương mại HT vô hiệu vì người thực tế làm việc tại Công ty HT là bà S.

2. Công ty TNHH Thương mại HT đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý việc dân sự và nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc M gửi cho Tòa án.

Tại phiên họp, bà Trần Thị Ngọc M có đơn yêu cầu vắng mặt vì bận công việc gia đình và giữ nguyên yêu cầu.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị Ngọc S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, riêng Công ty TNHH Thương mại HT đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định mở phiên họp và Quyết định hoãn phiên họp nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy Thẩm phán – chủ tọa phiên họp căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành giải quyết việc dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc M, tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa người lao

động Trần Thị Ngọc M và Công ty TNHH Thương mại HT trong giai đoạn từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động, vi phạm nguyên tắc trung thực và nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động được quy định tại Điều 15, 16 Bộ luật lao động năm 2019. Về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc M là yêu cầu về lao động “Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, được quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Hợp đồng lao động được giao kết và thực hiện tại thành phố Thủ Đức nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

[2.1] Tại văn bản số 1903/BHXXH - TST ngày 08/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố Thủ Đức xác nhận người lao động Trần Thị Ngọc M có quá trình tham gia BHXH, BHTN tại Công ty TNHH Thương mại HT từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 với mức lương 1.100.000 đồng (số sổ BHXH: 7910302462). Xét thấy, lời khai của bà M và bà S phù hợp với hồ sơ lưu trữ tại cơ quan bảo hiểm xã hội nên có căn cứ xác định giữa bà Trần Thị Ngọc S và Công ty TNHH Thương mại HT có giao kết hợp đồng lao động với tên và thông tin cá nhân của người lao động trên hợp đồng là Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1990, CMND số: QWERTYU, địa chỉ: khu phố TP, thị trấn TH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

[2.2] Về hiệu lực của hợp đồng lao động:

Bà M và bà S đều có lời khai thừa nhận sự việc bà M cho bà S mượn giấy chứng minh nhân dân số QWERTYU do Công an tỉnh Tiền Giang cấp cho Trần Thị Ngọc M vào thời điểm tháng 7/2010, mục đích mượn chứng minh nhân dân là để bà S giao kết hợp đồng lao động và làm việc Công ty TNHH Thương mại HT. Căn cứ công văn số 1904/BHXXH-TST ngày 08/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố Thủ Đức xác nhận bà Trần Thị Ngọc M có quá trình tham gia BHXH tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu NTS từ tháng 11/2008 đến tháng 01/2013, mức lương từ 747.400 đồng đến 2.515.000 đồng, số sổ BHXH: 0207010432. Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010, người tên Trần Thị Ngọc M cùng lúc tham gia bảo hiểm xã hội tại 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH Thương mại HT và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu NTS với hai số sổ bảo hiểm xã hội khác nhau và mức lương đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN khác nhau.

Phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH Thương mại HT không có bất cứ ý kiến nào về yêu cầu của bà M, tuy nhiên lời khai của bà M và bà S thống nhất xác định trong thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 bà M thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu NTS và bà S làm việc tại Công ty TNHH Thương mại HT, phù hợp với kết quả xác minh tại cơ quan Bảo hiểm xã hội. Như vậy có đủ cơ sở xác định người trực tiếp giao kết hợp đồng và làm việc tại Công ty TNHH Thương mại HT với những nội dung thỏa thuận về vị trí công việc, mức lương, thời gian làm việc v.v...là bà Trần Thị Ngọc S. Bà Trần Thị Ngọc M không phải là người lao động tại Công ty TNHH Thương mại HT.

Do đó, việc bà Trần Thị Ngọc S ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Thương mại HT nhưng với tên Trần Thị Ngọc M và các thông tin định danh cá nhân của bà M trên hợp đồng là không đúng chủ thể người lao động trực tiếp ký kết hợp đồng với người sử dụng lao động. Người lao động Trần Thị Ngọc M không phải là người trực tiếp thực hiện các công việc theo hợp đồng đã được giao kết, nên đã vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (sửa đổi bổ sung năm 2007). Bà Hòa cung cấp thông tin sai đã vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019 và nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Từ các phân tích trên có cơ sở xác định hợp đồng lao động giữa bà Trần Thị Ngọc S (với tên Trần Thị Ngọc M) và Công ty TNHH Thương mại HT không có hiệu lực.

Xét, căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019 hợp đồng lao động nói trên bị vô hiệu toàn bộ. Tuy nhiên đến nay giữa bà S và Công ty TNHH Thương mại HT cũng đã chấm dứt quan hệ lao động nên không cần buộc hai bên phải sửa đổi hoặc ký lại hợp đồng lao động đúng quy định pháp luật. Việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà S và Công ty TNHH Thương mại HT với tên người lao động Trần Thị Ngọc M là trái quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Trần Thị Ngọc M nên cần tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

[2.3] Về giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Bà M, bà S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 4; khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 149; khoản 2 Điều 366; Điều 367; Điều 369; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2002, năm 2006, năm 2007);

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 49; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc M;

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết trong khoảng thời gian từ tháng 7/2010 đến tháng 11/2010 giữa bà Trần Thị Ngọc M; sinh năm: 1990; chứng minh nhân dân số: QWERTYU (căn cước công dân số: AXCVGTYU); hộ khẩu thường trú: 168 Ấp P, xã H, huyện CN, tỉnh Trà Vinh và Công ty TNHH Thương mại HT; Trụ sở: số 38/4 Đường X, phường CL, thành phố TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh vô hiệu.

Bà Trần Thị Ngọc M được quyền liên hệ Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để thực hiện việc điều chỉnh thông tin quá trình đóng bảo hiểm xã hội và nhận tiền bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí giải quyết việc dân sự:

Bà Trần Thị Ngọc M phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào tiền tạm ứng bà M đã nộp theo biên lai thu số 0068314 ngày 27/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (đã nộp đủ).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc ngày quyết định được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày tuyên quyết định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDTP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- Chi cục THA DS Tp.Thủ Đức;
- Bảo hiểm xã hội Tp. Thủ Đức;
- Bảo hiểm xã hội TP.HCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Trần Ngọc Khánh

